

Số: 777/2019/QĐST-DS

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 7 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 25 tháng 6 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 465/2012/TLST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2012,

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1968

Địa chỉ: 37/3 XVNT, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đ: Luật sư Nguyễn Văn P, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn:

Bà **Bùi Thị R**, sinh năm 1931 (Đã chết)

Ông **Nguyễn Thái K**, sinh năm 1953

Cùng địa chỉ: 56 (số cũ 74) ĐBP, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà R là Ông **Nguyễn Thái K**.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông K: Luật sư Lê Minh N, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyen Nathalie (Nguyễn Thị N), sinh năm 1965

Địa chỉ: 05 Place Du Hameau 94320 Thiais – France.

Bà Nguyen Nathalie có bà Nguyễn Thị Đ là đại diện theo ủy quyền.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà N: Luật sư Lê Đăng K, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Bà Bùi Thị S, sinh năm 1948

Địa chỉ: ấp P, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bà S có bà Nguyễn Thị Đ là đại diện theo ủy quyền.

3.3. Bà **Võ Thị Hồng A**, sinh năm 1961

3.4. Ông **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1986

Cùng địa chỉ: 56 ĐBP, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Hồng A, ông T có ông **Nguyễn Thái K** là đại diện theo ủy quyền.

3.5. Ông **Nguyễn Quốc T**, sinh năm 1988

3.6. Bà **Nguyễn Võ Mỹ T**, sinh năm 1996

Cùng địa chỉ: 56 ĐBP, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Nguyễn Quốc T là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Võ Mỹ

T.

3.7. Công ty cổ phần sản xuất và thương mại M

Địa chỉ: 1691/3N quốc lộ 1A, phường Đ, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Văn X**, sinh năm 1978

Địa chỉ: 56/7/7 đường H, phường T, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Các ông bà gồm: Bà Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Thái K, bà Nguyễn Nathalie (Nguyễn Thị N), bà Bùi Thị S (bà N và bà S có bà Đ đại diện), bà Võ Thị Hồng A, ông Nguyễn Thanh T (bà A và ông Thanh T có ông K đại diện), ông Nguyễn Quốc T, bà Nguyễn Võ Mỹ T (bà Mỹ T có ông Quốc T đại diện), Công ty cổ phần sản xuất và thương mại M (có ông Trần Văn X đại diện) cùng thống nhất những nội dung sau:

[1] Về di sản là nhà đất tại số 56 ĐBP, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh:

- Di sản của ông Nguyễn Văn L (chết năm 2012) và bà Bùi Thị R (chết năm 2016) là căn nhà và khuôn viên đất tại số 56 ĐBP, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 9079/2008/GCN do Ủy ban nhân dân quận B cấp ngày 31/12/2008 và theo Bản đồ hiện trạng vị trí ngày 30/01/2019 của Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh.

- Các đương sự thống nhất chỉ tranh chấp 1/2 căn nhà và khuôn viên đất thuộc di sản của ông Nguyễn Văn L là 253,2m². Còn 1/2 căn nhà và khuôn viên đất thuộc di sản của bà Bùi Thị R để lại di chúc cho ông Nguyễn Quốc T và bà Võ Thị Hồng A (theo Di chúc lập ngày 21/02/2013 tại Phòng công chứng số 6), ông T và bà A đã kê khai di sản thừa kế.

- Các đương sự được hưởng di sản thừa kế của ông Long gồm: Bà Bùi Thị R, ông Nguyễn Thái K, bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị N (Nguyễn Nathalie) (bà Đ và bà N là con riêng của ông Nguyễn Văn L). Mỗi người được hưởng 1/8 căn nhà và khuôn viên đất, mỗi kỷ phần là 63,3m², cụ thể:

+ Bà Nguyễn Thị Đ và bà Nguyễn Thị N (Nguyễn Nathalie) được nhận phần đất có diện tích 126,6m² thể hiện trên bản vẽ là phân ký hiệu (3) thuộc Bản đồ hiện trạng vị trí ngày 30/01/2019 của Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Phần nhà và đất còn lại của các ông bà: ông Nguyễn Thái K, ông Nguyễn Quốc T, bà Võ Thị Hồng A là 379,6m² (gồm phần thừa kế của ông Nguyễn Thái K là 63,3m² và được hưởng phần của bà R 63,3m² theo thỏa thuận phân chia di sản ngày 19/10/2012 và 1/2 căn nhà là di sản của bà Bùi Thị R để lại cho ông Nguyễn Quốc T và bà Võ Thị Hồng A) được thể hiện trên bản vẽ là phần có ký hiệu (1) và (2) thuộc Bản đồ hiện trạng vị trí ngày 30/01/2019 của Trung tâm đo đạc bản đồ - Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Nguyễn Thị Đ và bà Nguyễn Thị N (Nguyễn Nathalie), ông Nguyễn Thái K, ông Nguyễn Quốc T, bà Võ Thị Hồng A có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền tách sổ, đóng các loại thuế phí theo quy định của pháp luật để sở hữu phần nhà và đất đã ghi rõ như trên.

- Ông Nguyễn Thái K và gia đình cam kết sẽ tháo dỡ các vật dụng ở trên đất để giao đất trống cho bà Đ và bà N đối với phần đất có diện tích 126,6m² chậm nhất là 08 tháng kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật.

[2] Về khoản nợ của ông Nguyễn Văn L và bà Bùi Thị R nợ Công ty cổ phần sản xuất và thương mại M 24 lượng vàng SJC:

Các đương sự gồm bà Nguyễn Thị Đ và bà Nguyễn Thị N (Nguyễn Nathalie), ông Nguyễn Thái K, ông Nguyễn Quốc T, bà Võ Thị Hồng A và đại diện công ty M cùng thỏa thuận:

- Bà Nguyễn Thị Đ và bà Nguyễn Thị N (Nguyễn Nathalie) mỗi người có trách nhiệm trả 03 lượng vàng SJC (tương đương 116.850.000 đồng). Trả 01 lần trong thời hạn 01 tháng sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

- Ông Nguyễn Thái K tự nguyện trả 18 lượng vàng SJC (gồm cả trách nhiệm trả nợ của ông Nguyễn Quốc T và bà Võ Thị Hồng A), tương đương 701.100.000 đồng. Trả 01 lần trong thời hạn 01 tháng sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

- Các đương sự thống nhất giá vàng hôm nay là 38.950.000 đồng/lượng vàng SJC theo giá bán của Công ty SJC Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Đ phải nộp 57.798.000 đồng đối với phần di sản thừa kế được nhận và 2.921.250 đồng đối với phần trả nợ vàng. Tổng cộng bà Đ phải nộp 60.719.250 đồng. Bà Đ được giảm 50% tiền án phí do có hoàn cảnh khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân Phường A, quận B. Do đó, bà Đ phải nộp 30.359.625 đồng, được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí 10.500.000 đồng mà bà đã nộp theo biên lai số 04450 ngày 14/11/2012 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Đ còn phải nộp thêm số tiền 19.859.625 đồng (mười chín triệu tám trăm năm mươi chín nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng).

- Bà Nguyễn Thị N (Nguyễn Nathalie) phải nộp 57.798.000 đồng đối với phần di sản thừa kế được nhận và 2.921.250 đồng đối với phần trả nợ vàng. Tổng

cộng bà N phải nộp 60.719.250 đồng (sáu mươi triệu bảy trăm mười chín nghìn hai trăm hai mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Thái K là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho Công ty cổ phần sản xuất và thương mại M số tiền tạm ứng án phí 21.480.000 đồng (hai mươi một triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng) mà công ty đã nộp theo Biên lai thu số 02527 ngày 20/4/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không tự nguyện trả số tiền trên thì hàng tháng người bị thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm thi hành án quy định Điều 476 Bộ luật dân sự 2005.

3. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Cục Thi hành án Dân sự TPHCM;
- Chi cục THADS quận B;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Nhung